TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2019/DS-ST
Ngày 03-05-2019
Về việc "Tranh chấp Hợp đồng cầm cố tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Tấn Phước;

2. Ông Nguyễn Văn Hồng.

***Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Hoàng Huynh - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 05 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 196/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 04 năm 2019 và Thông báo thay đổi thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số: 514/2019/TB-TA ngày 16 tháng 04 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Thành V, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 16, ấp Q, xã T, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Kim P (T), sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 2, ấp T, thị trấn L, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Trịnh Minh T, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 61 đường T, tổ 2, khóm C, phường A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang;

2/ Ông Lý Phước H, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 177 đường T, tổ 5, khóm 3, phường A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang

Tại phiên tòa, ông V có mặt; những người còn lại vắng mặt nhưng có yêu cầu không tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; trình bày của bị đơn; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/06/2018, Trịnh Minh T mang xe mô tô nhãn hiệu FUTURE FI, biển kiểm soát 67E1 – 268.12 đến Tiệm cầm đồ "Thành V" tại ấp Q, xã T, huyện An Phú do ông Bùi Thành V làm chủ để cầm cố. Do T không có chứng minh nhân dân nên ông V không nhận cầm. Sau đó, T nhờ người dì tên Huỳnh Thị Kim P cùng T đến cầm. Ông V nhận cầm 20.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, bốn ngày sau T đến nhận thêm 1.000.000 đồng (Tổng cộng là 21.000.000 đồng). Thời hạn kết thúc hợp đồng là ngày 20/07/2018 nhưng bà P không đến chuộc lại xe. Sau đó Công an huyện Tịnh Biên đến làm việc thì ông V mới biết xe mô tô mà ông T và bà P mang đến cầm cố là tài sản trộm cắp và ông V đã giao xe cho Công an huyện Tịnh Biên xử lý. Nay ông V kiện yêu cầu bà P và T trả lại số tiền cầm xe 21.000.000 đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 20/06/2018 đến ngày xét xử.

Bà Huỳnh Thị Kim P trình bày: Ngày 20/06/2018, Trịnh Minh T có đến nhờ bà mang giấy chứng minh nhân dân bảo lãnh cho T cầm xe FUTURE FI, biển kiểm soát 67E1 – 268.12 tại Tiệm cầm đồ "Thành V". Do T là cháu gọi bà bằng dì, nên bà có cùng T đến cầm xe và bà có ký tên vào Phiếu Hợp đồng cầm đồ kiêm Kế ước số 109 ngày 20/06/2018. Theo bà P, bà chỉ mang giấy chứng minh bảo lãnh cho ông T, tiền cầm xe bà giao hết cho ông T nên việc trả tiền vốn, lãi ông T có trách nhiệm. Bà P không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ông V.

Ông Trịnh Minh T trình bày: Ngày 20/06/2018, ông Lý Phước H có nhờ T mang xe đi cầm và hứa cho tiền T tiêu xài. T nhận lời và mang xe đến nhờ người dì tên Huỳnh Thị Kim P cầm tại Tiệm "Thành V" được 20.000.000 đồng. Bà P giữ lại 1.300.000 đồng (tiền công) và giao cho T 18.700.000 đồng. Bốn ngày sau T đến gặp ông V nhận thêm 1.000.000 đồng, Tổng cộng T nhận 19.700.000 đồng. Sau đó T tiếp tục giữ lại 3.000.000 đồng, số còn lại giao cho ông Lý Phước H. Ông H đưa cho T tiền chi phí đi lại 280.000 đồng và nhận 16.420.000 đồng. Ông T xác định chỉ cầm giúp ông H, nên việc ông V kiện yêu cầu bà P trả tiền T không có ý kiến.

Ông Lý Phước H trình bày: Ông H với ông T, ông V, bà P không có quen biết. Ông H không thừa nhận có nhờ ông T cầm xe mô tô FUTURE FI, biển kiểm soát 67E1 – 268.12 và cũng không có nhận tiền từ ông T. Đồng thời ông H còn cho biết, trước đây ông T cũng có khai tại Công an là xe mà ông T cầm là của ông H nhờ ông T đi cầm. Việc này đã được Công an làm rõ. Ông H xác định ông không liên quan gì đến việc ông T, bà P cầm xe cho ông V.

Về chứng cứ:

- Ông Bùi Thành V giao nộp bản sao Sổ hộ khẩu; chứng minh nhân dân; Phiếu Hợp đồng cầm đồ kiêm Khế ước; Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2018/HS-ST ngày 14-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

- Bà P giao nộp bản sao chứng minh nhân dân.

- Ông Bùi Thành V, ông Lý Phước H không cung cấp tài liệu, chứng chứng cứ gì.

- Tòa án tiến hành xác minh, ghi lời khai bà Huỳnh Thị Kim P, ông Trịnh Minh T, ông Lý Phước H; mời các đương sự đối chất nhưng các đương sự không

tham gia phiên đối chất; thông báo cho ông T cung cấp chứng cứ chứng minh về việc bà P, ông H có nhận tiền từ việc cầm xe.

Tại phiên tòa, ông Bùi Thành V xác định lại yêu cầu khởi kiện, ông V yêu cầu bà P và ông Tcó trách nhiệm hoàn trả cho ông số tiền vốn 21.000.000 đồng và tiền lãi suất 3%/tháng tính từ ngày 20/06/2018 đến ngày xét xử. Ông V cũng thừa nhận việc ông nhận cầm xe không chính chủ là không đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của bà Huỳnh Thị Kim P, ông Trịnh Minh T, ông Lý Phước H. Ông V xác định ông chỉ biết ông Trịnh Minh T là người mang xe đến cầm, biết bà Huỳnh Thị Kim P là do làm ăn quen biết, không biết ông Lý Phước H.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung: Xác định bà Huỳnh Thị Kim P và ông Trịnh Minh T có nhận số tiền 21.000.000 đồng theo Phiếu Hợp đồng cầm đồ kiêm khế ước số 109 ngày 20/06/2018. Có căn cứ bà P nhận 1.300.000 đồng, ông T nhận 19.700.000 đồng; không có căn cứ xác định ông H nhận 16.420.000 đồng. Xác định Hợp đồng cầm đồ kiêm khế ước ngày 20/06/2018 giữa ông Bùi Thành V với bà Huỳnh Thị Kim P là vô hiệu. Đề nghị buộc bà P trả 1.300.000 đồng, ông T trả 19.700.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về tư cách tham gia tố tụng: Ông Bùi Thành V kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Kim P trả lại tiền nhận cầm xe, xác định ông V là nguyên đơn, bà P là bị đơn. Quá trình giải quyết vụ án, xác định được người mang xe đến nhờ bà P cầm và nhận tiền là ông Trịnh Minh T; ông T khai xe là do ông Lý Phước H nhờ mang đi cầm và ông T có giao tiền cho ông H. Do đó đưa ông T, ông H tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về việc vắng mặt các đương sự: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thông báo thay đổi thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa nhưng bà Huỳnh Thị Kim P, ông Trịnh Minh T, ông Lý Phước H có yêu cầu không tham gia phiên tòa, nên tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T, ông H, bà P là phù hợp quy định tại các điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Bùi Thành V căn cứ vào Phiếu Hợp đồng cầm đồ kiêm khế ước số 109 ngày 20/06/2018 kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị kim P trả tiền cầm xe và lãi suất phát sinh. Bà Huỳnh Thị Kim P không đồng ý trả nên phát sinh tranh chấp. Xác định quan hệ tranh chấp là "*Tranh chấp Hợp đồng cầm cố tài sản"*; là tranh chấp dân sự. Nơi thực hiện hợp đồng là ấp Q, xã T, huyện An Phú; bị đơn là bà P cư trú ấp T, thị trấn L, huyện An Phú, nên vụ việc thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung tranh chấp:

Theo trình bày của ông Bùi Thành V, ông Trịnh Minh T và bà Huỳnh Thị Kim P thì ngày 20/06/2018 ông T mang xe mô tô hiệu FUTURE FI, biển kiểm soát 67E1-268.12, tên chủ xe là Hồ Đức N đến cửa hiệu cầm đồ "Thành V" do ông Bùi Thành V làm chủ để cầm. Do ông T không có chứng minh nhân dân nên ông V không nhận cầm. Ông T nhờ bà P mang giấy chứng minh đến cầm thì ông V đồng ý nhận cầm và lập Phiếu hợp đồng cầm đồ kiêm khế ước. Theo hợp đồng, bà P cầm xe mô tô hiệu FUTURE FI, màu đỏ đen, biển kiểm soát 67E1-268.12 cho ông V và ông V giao cho bà P 20.000.000 đồng, sau đó ông T đến nhận thêm 1.000.000 đồng.

Theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2018/HS-ST ngày 14-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang thì Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy, số: 018865, tên chủ xe Hồ Đức N, biển kiểm soát 67E1-268.12 là giả. Xe mô tô hiệu FUTURE FI, màu đỏ đen mà ông T mang cầm tại cửa hiệu cầm đồ "Thành V" là xe của ông Châu Văn B, ngụ thị trấn Tịnh Biên bị Trần Quốc C lấy trộm ngày 02/04/2018 (biển kiểm soát 67F1-182.15). Xe mô tô đã được trao trả cho ông Châu Văn B, giấy đăng ký xe mô tô đứng tên Hồ Đức N đã bị tịch thu tiêu hủy.

Căn cứ Bộ luật dân sự, các quy định của pháp luật liên quan quy định về việc cầm cố tài sản, thì động sản mang cầm phải thuộc quyền sở hữu của khách hàng. Nếu động sản thuộc quyền sở hữu của người thứ ba thì phải có ủy quyền. Như vậy, việc ông Bùi Thành V nhận cầm xe không chính chủ là không đúng quy định (tên chủ xe Hồ Đức N, người cầm Huỳnh Thị Kim P). Ngoài ra, đã xác định được xe là của ông Châu Văn B bị Trần Quốc C chiếm đoạt. Từ đó xác định: Hợp đồng cầm xe mô tô hiệu FUTURE FI, màu đỏ đen, biển kiểm soát 67E1-268.12 ngày 20/06/2018 giữa bà Huỳnh Thị Kim P với ông Bùi Thành V là vi phạm pháp luật nên bị vô hiệu. Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 131 Bộ luật dân sự, giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt, quyền nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm được xác lập; các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Do xe mô tô đã được trao trả cho chủ sở hữu là ông Châu Văn B, do đó chỉ buộc người nhận tiền từ ông V có trách nhiệm hoàn trả lại tiền cho ông V.

Theo ông V thì bà P có nhận 20.000.000 đồng, ông T nhận 1.000.000 đồng từ ông V; bà P thì xác định đã đưa hết số tiền cầm xe cho ông T; ông T thì xác định bà P có giữ lại 1.300.000 đồng, ông T có nhận 19.700.000 đồng nhưng sau đó ông T đã đưa cho ông Lý Phước H 16.420.000 đồng, bản thân ông T chỉ giữ lại 3.280.000 đồng. Tuy nhiên ông H không thừa nhận có nhận tiền từ ông T và ông T cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc ông H nhờ cầm xe và nhận tiền từ ông T.

Như vậy, có cơ sở xác định, trong số tiền cầm xe 21.000.000 đồng, bà Huỳnh Thị Kim P có nhận 1.300.000 đồng, ông T có nhận 19.700.000 đồng. Do đó, bà P có trách nhiệm hoàn trả cho ông V 1.300.000 đồng; ông T có trách nhiệm hoàn trả cho ông V 19.700.000 đồng. Việc ông T cho rằng có đưa cho ông Lý Phước H 16.420.000 đồng thì ông T có thể khởi kiện ông H bằng một vụ án khác khi có tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Về yêu cầu tính tiền lãi phát sinh từ ngày các đương sự nhận tiền (ngày 20/06/2018). Xét thấy Hợp đồng cầm xe giữa bà P với ông V đã bị vô hiệu ngay từ

khi xác lập hợp đồng, nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Do đó, không chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi của ông Bùi Thành V.

[4] Về chi phí tố tụng:

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần, nên bà P và ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần được chấp nhận.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 309, 310; các điều 123, 131 của Bộ luật dân sự; các điều 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 24; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Bùi Thành V;

Tuyên bố Hợp đồng cầm đồ kiêm khế ước ngày 20/06/2018 giữa bà Huỳnh Thị Kim P với cửa hiệu "Thành V" do ông Bùi Thành V làm chủ là vô hiệu.

Buộc bà Huỳnh Thị Thị Kim P hoàn trả cho ông Bùi Thành V 1.300.000 *(Một triệu ba trăm nghìn))* đồng;

Buộc ông Trịnh Minh Thoàn trả cho ông Bùi Thành V 19.700.000 *(Mười chín triệu bảy trăm nghìn)* đồng.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, Ông V có đơn yêu cầu thi hành án mà bà P, ông T không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo mức lãi được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí: Bà Huỳnh Thị Kim P phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; Ông Trịnh Minh T phải chịu 985.000 *(Chín trăm tám mươi lăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Bùi Thành V 619.500 *(Sáu trăm mười chín nghìn năm trăm)* đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: TU/2006/ 0010958 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

Thời hạn kháng cáo của ông Bùi Thành V là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 03/05/2019); thời hạn kháng cáo của các ông bà Huỳnh Thị Kim P, Trịnh Minh T, Lý Phước H là 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

(Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (2);
- THADS huyện An Phú (1);
- Các đương sự (4);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Sáu